

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2020/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Q, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp S, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp S, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-9-2020, bản tự khai ngày 19-10-2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Q trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trần Q chung sống với bà Đỗ Thị C từ năm 1982, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77, Quyền số 01/2008, ngày 25-7-2008. Quá trình chung sống, vợ chồng có thường

xuân xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2005. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông Q yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có ba con chung là Trần Long Q1, sinh ngày 17-01-1983, Trần Thị Q2, sinh ngày 15-3-1984, Trần Thị Như D, sinh ngày 09-12-1985. Các con chung hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: ông Q không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Đỗ Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai nhưng bà Đỗ Thị C đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: ông Trần Q và bà Đỗ Thị C trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của ông Trần Q về việc tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là bà Đỗ Thị C có nơi cư trú tại ấp S, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Đỗ Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: ông Trần Q chung sống với bà Đỗ Thị C từ năm 1982, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77, Quyền số 01/2008, ngày 25-7-2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tình cảm, kinh tế, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc (theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 04-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B). Do đó, có cơ sở xác định: ông Q và bà C không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông Q yêu cầu ly hôn với bà C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ông Q và bà C có ba con chung là Trần Long Q1, sinh ngày 17-01-1983, Trần Thị Q2, sinh ngày 15-3-1984, Trần Thị Như D, sinh ngày 09-12-1985. Các con chung hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn ông Trần Q là người cao tuổi nên ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Q đối với bị đơn bà Đỗ Thị C về việc tranh chấp về ly hôn.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Trần Q và bà Đỗ Thị C.

- Về con chung: Các con chung là Trần Long Q1, sinh ngày 17-01-1983, Trần Thị Q2, sinh ngày 15-3-1984, Trần Thị Như D, sinh ngày 09-12-1985 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: nguyên đơn ông Trần Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77, Quyền số 01/2008, ngày 25-7-2008;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng